

Điều 3.— Những bưu phẩm, bưu kiện dán tem giả, tem có tẩy xóa, sửa chữa, tem đã dùng rồi, không dán tem hoặc thiếu tem, hoặc viết những câu có tính chất thông tin ở trong hay ngoài đều coi là vi phạm thể lệ bưu điện.

Điều 4.— Những trường hợp vi phạm thể lệ bưu điện như trên sẽ xử lý như sau:

a) Trường hợp dùng tem giả, người gửi bưu phẩm sẽ bị truy tố trước tòa án, Bưu điện không chuyển bưu phẩm này mà giao cho tòa án.

b) Trường hợp dùng tem có tẩy xóa, sửa chữa, tem đã dùng rồi, Bưu điện không chuyển, phạt người gửi một khoản tiền bằng 10 lần tiền cước bưu phẩm. Nếu Bưu điện không tìm được người gửi thì làm biên bản hủy bỏ bưu phẩm này.

c) Trường hợp bưu phẩm không dán tem hoặc dán thiếu tem thì bưu điện chuyển bưu phẩm đi, nhưng thu ở người nhận một khoản tiền bằng hai lần tiền cước bưu phẩm. Nếu Bưu điện không phát được bưu phẩm hoặc người nhận không chịu nhận thì Bưu điện phạt người gửi một khoản tiền bằng 2 lần tiền cước bưu phẩm.

Những bưu phẩm gửi ra nước ngoài không dán tem hoặc thiếu tem thì Bưu điện không chuyển, trả lại cho người gửi, thu ở người gửi một khoản tiền bằng tiền cước phí một bưu phẩm thường.

Nếu không tìm được người gửi thì Bưu điện làm biên bản hủy bỏ bưu phẩm này.

d) Trường hợp bên ngoài hoặc bên trong Bưu phẩm, bưu kiện cước hạ có viết các câu có tính chất thông tin thì Bưu điện trả lại người gửi. Nếu trong quá trình chuyển mới thấy thì Bưu điện thu ở người nhận một khoản tiền bằng hai lần tiền cước một thư thường.

Nếu những câu viết vào bưu kiện, bưu phẩm có ảnh hưởng không tốt thì tùy theo sự cần thiết, Bưu điện sẽ giao trả bưu kiện, bưu phẩm lại cho người gửi hoặc giao sang cơ quan có thẩm quyền xét xử.

Điều 5.— Bưu phẩm gửi trong nước hay ra nước ngoài nếu dán tem nước ngoài thì Bưu điện không chuyển, trả lại cho người gửi, phạt người gửi một khoản tiền bằng hai lần tiền cước thư thường gửi trong nước.

Điều 6.— Các Ủy ban Hành chính các khu, thành phố, tỉnh, các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông Bưu điện và Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 27 tháng 2 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện
NGUYỄN VĂN TRẦN

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 100-BYT/TT ngày 25-2-1958 về việc sử dụng dấu hiệu Hồng thập tự trong ngành dân y.

Sau khi Chính phủ ta đã tuyên bố thừa nhận các Công ước Genève về Tổ chức Hồng thập tự quốc tế và Hội Hồng thập tự Việt nam đã được công nhận là Hội viên chính thức của Tổ chức Hồng thập tự quốc tế, các công ước nói trên phải được tôn trọng.

Vi thể, trong ngành ta, dấu hiệu Hồng thập tự cần được sử dụng đúng theo tinh thần Công ước Genève. Bộ đã nghiên cứu các điều khoản cần thiết và nhận thấy cần phải hướng dẫn các cơ quan các cấp thi hành.

Theo tinh thần Công ước Genève thì dấu hiệu Hồng thập tự (chữ thập đỏ trên nền trắng) chủ yếu dành cho các cơ quan quân y (Điều 38 (1) — Công ước Genève ngày 12-8-1949: cải thiện số phận bệnh nhân và nạn nhân chiến tranh) và các cơ quan của Hồng thập tự quốc tế (Điều 44).

Riêng về dân y, dấu hiệu Hồng thập tự cũng được sử dụng trong những trường hợp nhất định.

Trong thời kỳ chiến tranh, những bệnh viện dân y tổ chức để cứu chữa săn sóc những người bị thương, đau ốm, tàn tật và sản phụ (Điều 18), những xe cộ, tàu thuyền dùng vào việc chuyển chở bệnh nhân (Điều 20) những nhân viên y tế dân y phục vụ ở vùng bị chiếm đóng hoặc khu vực hành quân, nhân viên các bệnh viện dân y trong khi thừa hành nhiệm vụ (Điều 20, Công ước Genève 1949 — bảo vệ thương dân trong khi có chiến tranh) được dùng dấu hiệu Hồng thập tự.

Trong thời bình, phạm vi sử dụng dấu hiệu Hồng thập tự rút hẹp lại. Điều 44 Công ước Genève quy định dấu hiệu Hồng thập tự có thể sử dụng trong thời bình cho những cơ sở và những trạm cứu thương có nhiệm vụ săn sóc cứu chữa không lấy tiền những người bị thương, bị nạn, bị bệnh và cho những xe cấp cứu (ambulance).

Căn cứ vào tinh thần Công ước Genève, Bộ tạm quy định trong thời kỳ hòa bình hiện nay, ngành ta chỉ sử dụng dấu hiệu Hồng thập tự trong những trường hợp dưới đây:

1. — Bệnh viện có nhiệm vụ cấp cứu, cứu chữa bệnh nhân nghèo không lấy tiền.
2. — Các phòng khám bệnh phát thuốc (hiện vẫn đảm nhiệm công tác cấp cứu).
3. — Các xe cấp cứu và chống dịch.

(1) Điều 38:

Dấu hiệu Hồng thập tự màu đỏ trên nền trắng được coi là tiêu biểu và dấu riêng của cơ quan y tế các quân đội.

Ngoài 3 trường hợp nói trên, tất cả các cơ sở, xe cộ, nhân viên thuộc các cơ quan y tế dù công hay tư đều không mang dấu hiệu Hồng thập tự.

Bộ đề nghị các cơ quan y tế các cấp nghiên cứu thi hành thông tư này và áp dụng đúng những điều khoản đã quy định với tinh thần tôn trọng những công ước mà Chính phủ đã tuyên bố thừa nhận.

Tất cả những văn kiện về việc sử dụng dấu hiệu Hồng thập tự trong ngành từ trước đến nay trái với thông tư này đều coi như không còn giá trị.

Hà nội, ngày 25 tháng 2 năm 1958.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ,

Bác sĩ HOÀNG TÍCH TRÝ

THÔNG TƯ số 106-BYT ngày 26-2-1958
giải thích điều 34 trong nghị định số:
965-TTg ngày 11-7-1956 của Thủ tướng
phủ về điều lệ tạm thời cho phép làm
các nghề chữa bệnh, hộ sinh, chữa
răng, bào chế thuốc và bán thuốc.

Kính gửi: Các Ông Chủ tịch Ủy ban Hành
chính khu, tỉnh, thành phố.
Ông Giám đốc y tế, khu, thành phố
và các Trưởng ty y tế các tỉnh,

Điều 34 của nghị định 965-TTg ngày 11-7-1956 của Thủ tướng phủ quy định: « nơi nào chưa có hiệu thuốc hoặc đại lý thuốc tây thì các hàng tạp hóa có thể được bán một số thuốc thông thường sau đây cho nhân dân dùng... »

Bộ giải thích thêm như sau:

Tại các thành phố, ngoại ô, thị xã, thị trấn đã có các hiệu thuốc, các đại lý thuốc tây thì nhất thiết tất cả các hàng tạp hóa đều không được bán thuốc tây. Ví dụ: tại thành phố Hà nội đã có các hiệu thuốc, các đại lý thuốc tây thì trong toàn thành phố Hà nội (kể cả các chợ như chợ Bắc qua, Đồng xuân...) các hàng tạp hóa đều không được bán thuốc tây.

Tại các thị trấn nhỏ, các chợ ở nông thôn mà tại thị trấn hay chợ đó không có đại lý thuốc tây thì các hàng tạp hóa được bán một số thuốc thông thường sau đây cho nhân dân:

Thuốc viên: Kỳ-nin, Ky-na-cô-rin, Pa-luy-dô-rin, viên ho, viên đi rửa.

Thuốc nước: Thuốc đau mắt (Suyn-fát-dô-danh), Thuốc đỏ (Méc-cuya-rô-cô-rôm), Dầu tây, Dầu giun.

Thuốc bột: Thuốc tim (Péc-măng-ga-nát đờ K)

Thuốc mỡ: Pom-mát Súp-fô-rê, Pom-mát ốc-xít đờ đánh, Thuốc hắc lao.

Bông băng.

Những thuốc này đều phải là thuốc đã đóng gói lẻ có nhãn của hãng sản xuất quốc doanh hay tư doanh dựng vào chai, lọ, hộp gói; phải có nhãn đề riêng, không để lẫn lộn với các hàng khác và phải bảo quản cẩn thận.

Phải có niêm yết giá. Ngoài những thuốc trên không được bán thuốc khác.

Các hàng rong, các hàng xén không được bán các thuốc kể trên.

Hà nội, ngày 26 tháng 2 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Y tế

Bác sĩ HOÀNG TÍCH TRÝ

Đính chính

Công báo số 4 ngày 5-2-1958

Thông tư Bộ Lao động số 1-LĐ/TT ngày 20-1-1958 về vấn đề trích tiền lãi thường cho công nhân viên xi nghiệp tư doanh.

Trang 36 — cột bên phải — dòng thứ 47:

Đã in: Trong số thừa này sẽ trích từ 30% đến 40% đối với Công ty, hoặc lớt thiểu trích 40% đối với các cơ sở kinh doanh cá nhân.

Xin sửa lại là: Trong số thừa này sẽ trích từ 30% đến 40% đối với công ty, hoặc đảm bảo trích 40% đối với các cơ sở kinh doanh cá nhân.